HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NHÀ NƯỚC CÔ-OÉT

VỀ

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ LẪN NHAU

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NHÀ NƯỚC CÔ-OÉT

VỀ

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ LẪN NHAU

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước Cô-oét (sau đây gọi là "Các Bên ký kết");

Mong muốn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển hợp tác kinh tế giữa hai Bên và cụ thể là cho đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

Thừa nhận rằng việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau sẽ có lợi cho việc thúc đẩy sáng kiến kinh doanh và tăng cường sự thịnh vượng ở cả hai Bên ký kết;

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1
Các định nghĩa

Theo Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "đầu tư" nghĩa là bất kỳ loại tài sản nào trên lãnh thổ của một Bên ký kết được sở hữu hoặc kiểm soát hữu hiệu, trực tiếp hoặc gián tiếp, bởi một nhà đầu tư của Bên ký kết kia, phù hợp với pháp luật của Bên ký kết chủ nhà và kể cả tài sản bao gồm hoặc dưới hình thức:

(a) cổ phiếu, cổ phần của một công ty hoặc các hình thức góp vốn khác, và trái phiếu, giấy nhận nợ, và các hình thức vay nợ khác, và các khoản nợ hoặc khoản vay và các giấy tờ có giá phát hành bởi nhà đầu tư của một Bên ký kết;

(b) các quyền đòi tiền và các quyền đối với bất kỳ tài sản hoặc việc thực hiện theo hợp đồng nào có giá trị kinh tế;

(c) các quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi, quyền tác giả, nhãn hiệu hàng hoá, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và mẫu công nghiệp và quy trình công nghệ, bí quyết kỹ thuật, bí mật kinh doanh, tên thương mại và đặc quyền kế nghiệp;

(d) bất kỳ quyền nào theo luật, theo hợp đồng hoặc theo bất kỳ giấy phép hoặc sự cho phép theo luật nào, bao gồm các quyền tìm kiếm, thăm dò, khai thác, hoặc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, và các quyền được thực hiện các hoạt động kinh tế hoặc thương mại hoặc cung cấp các dịch vụ khác;

(e) bất kỳ tài sản hữu hình và vô hình, động sản và bất động sản, và bất kỳ quyền tài sản nào liên quan như quyền cho thuê, quyền thế chấp, cầm cố và cầm giữ.

Thuật ngữ "đầu tư" cũng áp dụng cho "thu nhập" giữ lại để tái đầu tư và cho các khoản thu từ việc "thanh lý" phù hợp với các thuật ngữ được định nghĩa sau đây.

Bất kỳ sự thay đổi nào về hình thức theo đó tài sản hoặc quyền tài sản được đầu tư hoặc tái đầu tư sẽ không ảnh hưởng đến tính chất đầu tư.

2. Thuật ngữ "nhà đầu tư" đối với một Bên ký kết nghĩa là:

(a) thể nhân có quốc tịch hoặc quyền công dân của Bên ký kết đó phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó;

(b) Chính phủ của Bên ký kết đó;

(c) bất kỳ pháp nhân nào được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật của Bên ký kết đó, như các tổ chức, quỹ phát triển, cơ quan, quỹ tài trợ, các cơ sở và cơ quan thành lập theo luật khác, và các công ty.

Khi Chính phủ của một Bên ký kết hành động với tư cách một nhà đầu tư, Chính phủ sẽ hành động như một thực thể kinh doanh bình thường và từ bỏ tất cả các quyền miễn trừ, đặc quyền và quyền liên quan đến chủ quyền.

3. Thuật ngữ "công ty" nghĩa là bất kỳ thực thể pháp lý nào được thành lập theo pháp luật của một Bên ký kết, bất kể được thành lập vì mục tiêu lợi nhuận hay phi lợi nhuận, bất kể được sở hữu hoặc kiểm soát bởi nhà nước hay tư nhân, và bao gồm công ty, quỹ tín thác, hợp danh, doanh nghiệp một chủ, chi nhánh, liên doanh, hiệp hội hoặc các tổ chức tương tự khác.

4. Thuật ngữ "thu nhập" nghĩa là các khoản thu được từ đầu tư, bất kể được trả theo hình thức nào, và cụ thể bao gồm nhưng không chỉ là lợi nhuận, lãi tiền vay, thu nhập từ vốn, cổ tức, phí chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, phí quản lý, phí hỗ trợ kỹ thuật hoặc các khoản thanh toán hoặc phí khác, và các khoản thanh toán bằng hiện vật bất kỳ loại nào.

5. Thuật ngữ "thanh lý" nghĩa là bất kỳ sự chuyển nhượng nào được thực hiện với mục đích từ bỏ toàn bộ hoặc một phần khoản đầu tư.

6. Thuật ngữ "lãnh thổ" đối với một Bên ký kết, nghĩa là tất cả vùng lãnh thổ đất liền (bao gồm cả các đảo), vùng biển và dưới biển mà Bên ký kết đó thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với luật quốc tế được dẫn chiếu bởi pháp luật quốc gia của Bên ký kết đó.

7. Thuật ngữ "đồng tiền tự do chuyển đổi" nghĩa là bất kỳ đồng tiền nào được Quỹ Tiền tệ Quốc tế, trong từng thời kỳ, xác định là đồng tiền tự do sử dụng phù hợp với các quy định của Hiệp định về Quỹ Tiền tệ Quốc tế và các sửa đổi của Hiệp định này.

8. Thuật ngữ "không chậm trễ" nghĩa là một khoảng thời gian thông thường để hoàn tất các thủ tục cần thiết cho việc chuyển tiền mà không có hạn chế hoặc trì hoãn bất hợp lý nào đối với việc chuyển tiền đó.

Điều 2
Khuyến khích và bảo hộ đầu tư

1. Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích và tạo điều kiện cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia đầu tư trên lãnh thổ nước mình và, tuỳ thuộc vào việc thực hiện

thẩm quyền theo pháp luật của Bên đó, chấp thuận các khoản đầu tư đó.

2. Đầu tư của nhà đầu tư của mỗi bên ký kết sẽ luôn được dành sự đối xử công bằng và bình đẳng và được bảo hộ đầy đủ và an toàn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia. Không một Bên ký kết nào được, bằng bất kỳ cách nào, thông qua các biện pháp bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử, gây tổn hại đến việc quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng hoặc định đoạt khoản đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình.

3. Sau khi thành lập, đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết sẽ không bị áp dụng các yêu cầu hoạt động bổ sung được nêu trong danh mục minh họa của Hiệp định về các Biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại của WTO mà có thể gây thiệt hại đến khả năng tồn tại của khoản đầu tư đó hoặc có ảnh hưởng bất lợi đến việc sử dụng, quản lý, thực hiện, vận hành, mở rộng, bán hoặc định đoạt khác đối với khoản đầu tư đó.

Điều 3
Đối xử với đầu tư

1. Liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thực hiện, vận hành, mở rộng, bán hoặc định đoạt khác đối với đầu tư thực hiện trên lãnh thổ nước mình bởi nhà đầu tư của Bên ký kết kia, mỗi Bên ký kết sẽ dành sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó, trong các trường hợp tương tự, dành cho đầu tư của nhà đầu tư nước mình ("Đối xử Quốc gia") hoặc cho nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào ("Đối xử Tối huệ quốc"), tuỳ thuộc vào sự đối xử nào thuận lợi hơn cho khoản đầu tư đó.

2. Không ảnh hưởng đến các quy định của Điều 11 và tuỳ theo các hiệp định khác mà cả hai Bên ký kết cùng tham gia, Đối xử Quốc gia quy định tại khoản 1 nêu trên sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật của Bên ký kết chủ nhà. Việc dành đối xử quốc gia phù hợp với pháp luật của Bên ký kết chủ nhà cho phép Bên ký kết chủ nhà có quyền dành cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử khác biệt với sự đối xử áp dụng cho nhà đầu tư của nước mình. Theo đó, mỗi Bên ký kết có thể duy trì bất kỳ lĩnh vực kinh tế hoặc hoạt động nào dành riêng cho nhà đầu tư của nước mình và áp dụng bất kỳ biện pháp hoặc ưu đãi đặc biệt nào chỉ dành riêng cho nhà đầu tư của nước mình phù hợp khuôn khổ chính sách phát triển của nước mình.

3. Các quy định của Hiệp định này không được hiểu là bắt buộc một trong các Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia lợi ích của bất kỳ sự đối xử, quyền lợi hoặc đặc quyền nào phát sinh từ:

a) bất kỳ liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, khu vực mậu dịch tự do, liên minh tiền tệ hoặc hình thức hiệp định kinh tế khu vực hoặc song phương khác hoặc hiệp định quốc tế tương tự khác mà mỗi Bên ký kết là thành viên hoặc có thể trở thành thành viên;

b) bất kỳ hiệp định quốc tế, khu vực hoặc song phương nào hoặc các thoả thuận tương tự hoặc bất kỳ văn bản pháp luật trong nước nào liên quan toàn bộ hoặc chủ yếu đến thuế.

Điều 4
Đền bù thiệt hại

1. Trừ trường hợp áp dụng Điều 6, khi đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết bị thiệt hại do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang khác, tình trạng khẩn cấp quốc gia, nổi dậy, nội chiến, bạo loạn hoặc nổi loạn, hoặc sự kiện tương tự nào khác trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, nhà đầu tư đó sẽ được Bên ký kết chủ nhà dành cho sự đối xử, liên quan đến việc hoàn trả, bồi thường, đền bù hoặc các giải pháp khác, không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của nước mình hoặc nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào, tuỳ theo sự đối xử nào có lợi hơn cho nhà đầu tư.

2. Không ảnh hưởng đến khoản 1, nhà đầu tư của một Bên ký kết, trong bất kỳ trường hợp nào nêu tại khoản 1, bị thiệt hại trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do:

(a) trưng thu toàn bộ hoặc một phần khoản đầu tư của nhà đầu tư đó bởi lực lượng vũ trang hoặc chính quyền của Bên ký kết chủ nhà;

(b) phá huỷ toàn bộ hoặc một phần khoản đầu tư của nhà đầu tư đó bởi lực lượng vũ trang hoặc chính quyền của Bên ký kết kia không phát sinh từ hành động chiến đấu hoặc không trong trường hợp cần thiết,

sẽ được hoàn trả hoặc đền bù nhanh chóng, thoả đáng và hiệu quả.

Điều 5
Tước quyền sở hữu

1. (a) Đầu tư thực hiện bởi nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ không bị Bên ký kết kia quốc hữu hoá, tước quyền sở hữu hoặc tước đoạt hoặc bị áp dụng các biện pháp trực tiếp hoặc gián tiếp có tác dụng tương đương với việc quốc hữu hoá, tước quyền sở hữu hoặc tước đoạt (sau đây gọi chung là "tước quyền sở hữu"), trừ trường hợp vì mục đích công cộng liên quan đến nhu cầu nội tại của Bên ký kết đó và phải được đền bù nhanh chóng, thoả đáng và hiệu quả, với điều kiện là các biện pháp đó được thực hiện trên cơ sở không phân biệt đối xử và phù hợp với thủ tục pháp luật áp dụng chung.

   (b) Việc đền bù phải tương đương với giá trị thực tế của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu và phải được xác định và tính toán phù hợp với các nguyên tắc định giá được quốc tế công nhận trên cơ sở giá thị trường của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu vào thời điểm ngay trước khi hành động tước quyền sở hữu diễn ra hoặc dự kiến tước quyền sở hữu được công bố, tuỳ thuộc vào thời điểm nào đến trước (sau đây gọi là "ngày định giá"). Khoản đền bù phải được tính bằng đồng tiền tự do chuyển đổi do nhà đầu tư lựa chọn, trên cơ sở tỷ giá hối đoái hiện hành trên thị trường của đồng tiền đó vào ngày định giá và bao gồm lãi suất thương mại ấn định theo thị trường, tuy nhiên, trong mọi trường hợp không nhỏ hơn lãi suất LIBOR hiện hành hoặc lãi suất tương đương, tính từ ngày tước quyền sở hữu đến ngày trả tiền đền bù.

   (c) Trong trường hợp giá trị thị trường nêu trên không xác định được, đền bù sẽ được xác định theo các nguyên tắc công bằng, có tính đến tất cả các yếu tố và hoàn cảnh liên quan, như số vốn đã đầu tư, bản chất và thời hạn đầu tư, giá trị thay thế, khấu hao, thu nhập hiện tại, giá trị dòng tiền đã chiết khấu, giá trị theo sổ sách kế toán và giá trị uy tín kinh doanh. Khoản đền bù sau khi được xác định phải được nhanh chóng trả cho nhà đầu tư.

2. Theo các nguyên tắc nêu tại khoản 1 và không ảnh hưởng đến các quyền của nhà đầu tư theo Điều 8 Hiệp định này, nhà đầu tư bị ảnh hưởng sẽ có quyền được cơ quan tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền

khác và cơ quan độc lập của Bên ký kết thực hiện tước quyền sở hữu nhanh chóng xem xét lại trường hợp của mình, bao gồm việc định giá khoản đầu tư và việc trả tiền đền bù cho khoản đầu tư này.

3. Để rõ ràng hơn, tước quyền sở hữu bao gồm các trường hợp trong đó một Bên ký kết tước quyền sở hữu đối với tài sản của một công ty hoặc doanh nghiệp được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật hiện hành trên lãnh thổ của Bên đó, trong đó nhà đầu tư của Bên ký kết kia có một khoản đầu tư thông qua việc sở hữu cổ phần, cổ phiếu, giấy ghi nợ hoặc các quyền hoặc quyền lợi khác.

4. Yêu cầu được đền bù theo các nguyên tắc và quy định của Điều này cũng sẽ tồn tại trong trường hợp do hành động có tác dụng tương đương với tước quyền sở hữu mà một Bên ký kết thực hiện đối với một công ty có đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia, khoản đầu tư đó đã bị thiệt hại thực tế.

Điều 6
Chuyển ra nước ngoài các khoản thanh toán liên quan đến đầu tư

1. Mỗi Bên ký kết sẽ đảm bảo rằng nhà đầu tư của Bên ký kết kia được tự do chuyển ra khỏi và chuyển vào lãnh thổ của mình các khoản thanh toán liên quan đến đầu tư, bao gồm:

   a) vốn đầu tư ban đầu và bất kỳ khoản vốn bổ sung nào để duy trì, quản lý và phát triển khoản đầu tư ;

   b) thu nhập;

   c) các khoản thanh toán theo hợp đồng, bao gồm việc trả dần tiền vốn và lãi luỹ kế theo một hợp đồng vay;

   d) phí chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ và phí cho các quyền nêu tại khoản 1(c) Điều 1;

   e) các khoản tiền thu được từ việc bán hoặc thanh lý toàn bộ hoặc một phần khoản đầu tư;

   f) thu nhập và các khoản tiền của nhân viên thu được từ nước ngoài liên quan đến đầu tư;

(g) thanh toán tiền đền bù theo Điều 4 và 5;

(h) các khoản thanh toán nêu tại Điều 7;

(i) các khoản thanh toán phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp.

2. Việc chuyển các khoản tiền nêu tại khoản 1 phải được thực hiện không chậm trễ hoặc không bị hạn chế và phải trả bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, trừ trường hợp thanh toán bằng hiện vật.

3. Việc chuyển tiền được thực hiện theo tỷ giá hối đoái của đồng tiền dùng để chuyển tiền, là tỷ giá hiện hành trên thị trường tại Bên ký kết chủ nhà vào ngày chuyển tiền. Trong trường hợp không tồn tại thị trường hối đoái, tỷ giá hối đoái được áp dụng sẽ là tỷ giá mới nhất áp dụng cho đầu tư từ nước ngoài vào hoặc tỷ giá được xác định theo các quy định của Quỹ Tiền tệ Quốc tế hoặc tỷ giá hối đoái để đổi các đồng tiền sang Quyền Rút vốn Đặc biệt, hoặc đô la Mỹ, tuỳ thuộc vào tỷ giá nào có lợi nhất cho nhà đầu tư.

Điều 7
Thế quyền

1. Nếu một Bên ký kết hoặc cơ quan được Bên đó chỉ định ("Bên bồi thường"), thanh toán theo một bảo đảm bồi thường hoặc bảo đảm cấp cho một khoản đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia ("Nước chủ nhà"), Nước chủ nhà sẽ công nhận:

(a) việc chuyển giao theo pháp luật hoặc theo giao dịch hợp pháp cho Bên bồi thường tất cả các quyền và quyền đòi tiền phát sinh từ khoản đầu tư đó;

(b) quyền của Bên bồi thường được thực hiện tất cả các quyền và quyền đòi tiền đó và tiếp nhận tất cả các nghĩa vụ liên quan đến khoản đầu tư do việc thế quyền mang lại.

2. Bên bồi thường sẽ, trong mọi trường hợp, được dành sự đối xử giống như sự đối xử liên quan đến:

(a) các quyền và quyền đòi tiền và các nghĩa vụ do Bên này tiếp nhận phát sinh từ việc chuyển giao nêu tại khoản 1 nói trên;

(b) bất kỳ khoản thanh toán nào nhận được theo các quyền và quyền đòi tiền đó, như nhà đầu tư ban đầu có quyền nhận được theo Hiệp định này liên quan đến khoản đầu tư đó.

Điều 8

Giải quyết tranh chấp giữa một Bên ký kết và một nhà đầu tư

1. Tranh chấp phát sinh giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia liên quan đến đầu tư của nhà đầu tư đó trên lãnh thổ của Bên ký kết chủ nhà sẽ, trong chừng mực có thể, được giải quyết thông qua hoà giải.

2. Nếu tranh chấp đó không được giải quyết trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày một bên tham gia tranh chấp yêu cầu hoà giải thông qua việc gửi thông báo bằng văn bản cho bên kia, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết, theo sự lựa chọn của nhà đầu tư, bằng một trong các cơ chế sau đây:

(a) phù hợp với bất kỳ thủ tục giải quyết tranh chấp nào đã được các bên thoả thuận áp dụng từ trước;

(b) tại cơ quan trọng tài quốc tế phù hợp với các khoản sau của Điều này.

3. Trong trường hợp nhà đầu tư lựa chọn đưa tranh chấp ra giải quyết tại trọng tài quốc tế, nhà đầu tư sẽ cung cấp ý kiến bằng văn bản đồng ý với việc đưa tranh chấp ra giải quyết tại một trong các cơ quan sau:

(a) (1) Trung tâm Quốc tế về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư ("Trung tâm"), thành lập theo Công ước về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư giữa Nhà nước và Công dân của Nhà nước khác ký kết tại Washington ngày 18 tháng 3 năm 1965 ("Công ước Washington"), nếu cả hai Bên ký kết đều là thành viên Công ước Washington và Công ước Washington được áp dụng đối với tranh chấp;

(2) Trung tâm, theo các quy tắc điều chỉnh Cơ chế Phụ trợ cho việc tiến hành tố tụng của Ban thư ký của Trung tâm ("Quy tắc Cơ chế Phụ trợ"), nếu Bên ký kết của nhà đầu tư hoặc Bên ký kết tham gia tranh chấp, nhưng không phải cả hai Bên ký kết, là thành viên của Công ước Washington;

(b) một toà trọng tài thành lập theo Quy tắc Trọng tài của Uỷ ban Luật Thương mại Quốc tế của Liên Hiệp Quốc (UNCITRAL), Quy tắc này có thể được các bên tham gia tranh chấp điều chỉnh (Cơ quan Chỉ định nêu tại Điều 7 của Quy tắc này sẽ là Tổng Thư ký của Trung tâm);

(c) một toà trọng tài thành lập theo các quy tắc trọng tài của bất kỳ tổ chức trọng tài nào được các bên tham gia tranh chấp thoả thuận đồng ý.

4. Mặc dù nhà đầu tư có thể đã đưa tranh chấp ra giải quyết tại trọng tài có tính ràng buộc theo khoản 3, nhà đầu tư có thể, trước khi bắt đầu tố tụng trọng tài hoặc trong quá trình tố tụng, yêu cầu toà án tư pháp hoặc hành chính của Bên ký kết tham gia tranh chấp, áp dụng các các biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm bảo vệ các quyền và quyền lợi của mình, với điều kiện không bao gồm yêu cầu bồi thường thiệt hại.

5. Mỗi Bên ký kết bằng Hiệp định này đồng ý vô điều kiện với việc đưa tranh chấp đầu tư ra giải quyết tại trọng tài có tính chất ràng buộc theo lựa chọn của nhà đầu tư theo khoản 3(a) và 3(b) hoặc đồng ý không huỷ bỏ nếu hai bên tham gia tranh chấp đạt được thoả thuận theo khoản 3(c).

6. (a) Việc đồng ý nêu tại khoản 5, cùng với việc đồng ý nêu tại khoản 3, sẽ thoả mãn điều kiện về thoả thuận bằng văn bản của các bên tham gia tranh chấp theo Chương II của Công ước Washington, Quy tắc Cơ chế Phụ trợ, Điều II của Công ước Liên hợp quốc về Công nhận và thi hành các Phán quyết của trọng tài nước ngoài ký tại New York ngày 10 tháng 6 năm 1958 ("Công ước New York"), và Điều 1 Quy tắc Trọng tài UNCITRAL.

(b) Bất kỳ việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài nào theo Điều này, theo thoả thuận của các bên tham gia tranh chấp, phải được tổ chức ở

một quốc gia là thành viên của Công ước New York. Yêu cầu đưa tranh chấp ra giải quyết tại trọng tài theo Hiệp định này sẽ được coi là phát sinh từ một quan hệ hoặc giao dịch thương mại theo Điều 1 của Công ước New York.

(c) Không Bên ký kết nào được áp dụng việc bảo hộ về ngoại giao hoặc khởi kiện quốc tế đối với bất kỳ tranh chấp nào được đưa ra trọng tài, trừ khi Bên ký kết kia không thực hiện và tuân thủ phán quyết liên quan đến tranh chấp này. Tuy nhiên, việc bảo hộ ngoại giao theo điểm này không bao gồm việc trao đổi ngoại giao không chính thức với mục đích duy nhất là hỗ trợ việc giải quyết tranh chấp.

7. Toà trọng tài thành lập theo Điều này sẽ quyết định vấn đề tranh chấp theo quy định của pháp luật do các bên tham gia tranh chấp thoả thuận. Nếu thoả thuận đó không đạt được, Toà trọng tài sẽ áp dụng pháp luật của Bên ký kết tham gia tranh chấp, bao gồm cả các quy định về xung đột pháp luật, và các quy định được công nhận có liên quan của luật quốc tế, có tính đến các quy định liên quan của Hiệp định này.

8. Theo Điều 25(2)(b) của Công ước Washington, một nhà đầu tư không phải là thể nhân, nếu có quốc tịch của Bên ký kết tham gia tranh chấp vào ngày đồng ý bằng văn bản nêu tại khoản (6) và trước khi tranh chấp giữa nhà đầu tư đó và Bên ký kết đó phát sinh, được kiểm soát bởi nhà đầu tư của Bên ký kết kia, sẽ được coi là "công dân của một Bên ký kết khác" và theo Điều 1(6) của Quy tắc Cơ chế Phụ trợ sẽ được coi là "công dân của một Nhà nước khác".

9. Phán quyết của trọng tài, có thể bao gồm phán quyết về lãi suất, sẽ là chung thẩm và bắt buộc đối với các bên tham gia tranh chấp. Mỗi Bên ký kết sẽ nhanh chóng thi hành phán quyết này và sẽ có các hỗ trợ cần thiết để thực thi có hiệu quả phán quyết đó trên lãnh thổ của mình.

10. Trong bất kỳ quá trình tố tụng tư pháp hoặc trọng tài hoặc tố tụng nào khác hoặc trong khi thi hành bất kỳ phán quyết hoặc quyết định nào liên quan đến tranh chấp đầu tư giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia, một Bên ký kết sẽ không sử dụng quyền miễn trừ quốc gia của mình để biện hộ. Việc nhà đầu tư tham gia tranh chấp đã nhận được hoặc sẽ nhận được bồi thường hoặc đền bù khác cho toàn bộ hoặc một phần thiệt hại theo một hợp đồng bảo hiểm từ một bên thứ ba bất kỳ, bất kể là nhà nước hay tư nhân, kể cả từ Bên ký kết kia và các bộ phận, cơ

quan hoặc phương tiện khác của Bên đó, sẽ không được sử dụng làm lý do để khởi kiện ngược, để đòi quyền bù trừ.

Điều 9
Giải quyết tranh chấp giữa Các Bên ký kết

1. Các Bên ký kết sẽ, trong chừng mực có thể, giải quyết bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này thông qua tham vấn hoặc các kênh ngoại giao khác.

2. Nếu tranh chấp không được giải quyết trong vòng sáu tháng kể từ ngày một Bên ký kết yêu cầu tham vấn hoặc sử dụng các kênh ngoại giao khác và trừ khi các Bên ký kết có thoả thuận khác bằng văn bản, mỗi Bên ký kết có thể, thông qua việc thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia, đưa tranh chấp ra giải quyết tại một toà trọng tài theo vụ việc (ad hoc) phù hợp với các quy định sau đây của Điều này.

3. Toà trọng tài sẽ được thành lập như sau: mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên, và hai thành viên này sẽ thoả thuận về một công dân của một nước thứ ba làm Chủ tịch toà trọng tài để các Bên ký kết chỉ định. Các thành viên này sẽ được chỉ định trong vòng hai tháng, và Chủ tịch sẽ được chỉ định trong vòng bốn tháng, kể từ ngày một Bên ký kết thông báo cho Bên ký kết kia ý định đưa tranh chấp ra giải quyết tại toà trọng tài.

4. Nếu các thời hạn nêu tại khoản 3 không được tuân thủ, một Bên ký kết có thể, trong trường hợp không có thoả thuận khác, mời Chủ tịch Toà án Quốc tế tiến hành các chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch Toà án quốc tế là công dân của một Bên ký kết hoặc vì lý do nào khác không thực hiện được chức năng nêu trên, phó Chủ tịch Toà án Quốc tế sẽ được mời tiến hành các chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch Toà án quốc tế là công dân của một Bên ký kết hoặc vì lý do nào khác không thực hiện được chức năng nêu trên, thành viên cao cấp tiếp theo của Toà án quốc tế không phải là công dân của một Bên ký kết sẽ được mời để tiến hành sự chỉ định cần thiết

5. Toà trọng tài sẽ quyết định bằng biểu quyết theo đa số. Quyết định này sẽ được đưa ra theo Hiệp định này và các quy định được công nhận của luật quốc tế có liên quan và là chung thẩm và bắt buộc với cả hai Bên ký

kết. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí cho thành viên do mình chỉ định trong Toà trọng tài và chi phí cho việc đại diện của mình trong tố tụng trọng tài. Chi phí cho Chủ tịch và các chi phí khác cho tố tụng trọng tài do mỗi Bên ký kết chịu bằng nhau. Tuy nhiên toà trọng tài có thể quyết định một trong hai Bên ký kết sẽ phải chịu phần chi phí cao hơn. Trong mọi trường hợp toà trọng tại tự quyết định thủ tục của mình.

Điều 10
Quan hê giữa các Bên ký kết

Các quy định của Hiệp định này sẽ áp dụng bất kể có tồn tại quan hệ ngoại giao hoặc lãnh sự giữa các Bên ký kết hay không.

Điều 11
Áp dung các quy đinh khác

Nếu một văn bản pháp luật của một Bên ký kết hoặc các nghĩa vụ theo luật quốc tế tồn tại ở thời điểm hiện tại hoặc được thiết lập sau này giữa các Bên ký kết ngoài phạm vi Hiệp định này, chứa đựng các quy định, bất kể có tính toàn bộ hay cụ thể, cho phép nhà đầu tư của Bên ký kết kia được hưởng sự đối xử thuận lợi hơn sự đối xử theo Hiệp định này, quy định đó sẽ, trong chừng mực có lợi hơn cho nhà đầu tư, được ưu tiên áp dụng so với Hiệp định này.

Điều 12
Pham vi của Hiệp đinh

Hiệp định này sẽ áp dụng cho tất cả các khoản đầu tư, bất kể đang tồn tại hay được thực hiện bởi nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sau ngày Hiệp định này có hiệu lực

Điều 13
Thời điểm có hiêu lực

Mỗi Bên ký kết sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia khi đã hoàn tất các thủ tục trong nước cần thiết để Hiệp định có hiệu lực, và Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi kể từ sau ngày nhận được thông báo sau cùng.

Điều 14
Thời hạn có hiệu lực và chấm dứt hiệu lực

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời gian mười (10) năm và tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn hoặc các thời hạn tương tự sau đó, trừ khi ít nhất một năm trước khi hết thời hạn ban đầu hoặc bất kỳ thời hạn tiếp theo nào, một Bên ký kết thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia về ý định chấm dứt Hiệp định này.

2. Liên quan đến các khoản đầu tư đã thực hiện trước ngày thông báo chấm dứt Hiệp định có hiệu lực, các quy định của Hiệp định này sẽ tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn mười lăm (15) năm kể từ ngày chấm dứt Hiệp định này.

Để làm chứng những điều trên đây, các đại diện có đầy đủ thẩm quyền của cả hai Bên ký kết đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2007, tức là ngày 4th Jamad. Awal năm 1428H thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng Ả-rập và tiếng Anh; các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NHÀ NƯỚC CÔ-OÉT
VÕ HỒNG PHÚC BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	BADER M. AL-HUMAIDHI BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

A G R E E M E N T

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF STATE OF KUWAIT

FOR

THE ENCOURAGEMENT AND RECIPROCAL PROTECTION OF INVESTMENTS

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF STATE OF KUWAIT

FOR
THE ENCOURAGEMENT AND RECIPROCAL PROTECTION OF INVESTMENTS

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the State of Kuwait (hereinafter referred to as the "Contracting Parties");

Desiring to create favorable conditions for the development of economic cooperation between them and in particular for investments by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party;

Recognizing that the encouragement and reciprocal protection of such investments will be conducive to the stimulation of business initiative and to the increase of prosperity in both Contracting Parties;

Have agreed as follows:

Article 1
Definitions

For the purposes of this Agreement:

1. The term 'investment' shall mean every kind of asset in the territory of one Contracting Party that is owned or effectively controlled, directly or indirectly, by an investor of the other Contracting Party, in accordance with the laws and

regulations of that former Contracting Party and includes asset consisting or taking the form of:

(a) a company shares, stocks, and other forms of equity participation, and bonds, debentures, and other forms of debt interests in a company, and other debts and loans and securities issued by any investor of a Contracting Party;

(b) claims to money and claims to any other assets or performance pursuant to contract having an economic value;

(c) intellectual property rights, including, but not limited to, copyrights, trademarks, patents, industrial designs and patterns and technical processes, know-how, trade secrets, trade names and goodwill;

(d) any right conferred by law, contract or by virtue of any licenses or permits granted pursuant to law, including rights to prospect, explore, extract, or utilize natural resources, and rights to undertake other economic or commercial activities or to render services;

(e) any other tangible and intangible, movable and immovable property, and any related property rights, such as leases, mortgages, liens and pledges.

The term "investment" shall also apply to "returns" retained for the purpose of re-investment and to proceeds from "liquidation" as these terms are defined hereinafter.

Any change in the form in which assets or rights are invested or reinvested shall not affect their character as investments

2. The term "investor" with respect to a Contracting Party shall mean:

(a) a natural person holding the nationality or citizenship of that Contracting Party in accordance with its applicable laws;

(b) the Government of the Contracting Party;

(c) any legal person constituted or incorporated under the laws and regulations of that Contracting Party, such as institutions, development funds, agencies, foundations and other statutory establishments and authorities, and companies.

When the Government of a Contracting Party acts as an investor, it shall acts as an ordinary business entity and wave all its sovereign immunities, privileges and rights.

3. The term "company" shall mean any legal entity, whether or not organized for pecuniary gain, and whether privately or governmentally owned or controlled, which is constituted under the laws of a Contracting Party, and includes a corporation, trust, partnership, sole proprietorship, branch, joint venture, association or other similar organization.

4. The term "returns" shall mean amounts yielded by an investment, irrespective of the form in which they are paid, and in particular, though not exclusively, include profits, interest, capital gains, dividends, royalties, and management, technical assistance or other payments or fees, and payments in kind, regardless of its type.

5. The term "liquidation" shall mean any disposal effected for the purpose of completely or partly giving up an investment.

6. The term "territory" with respect of a Contracting Party, shall mean all land territory (including islands), maritime and submarines areas over which the Contracting Party exercises, in accordance with international law designated under the laws of the Contracting Party, sovereignty, sovereign rights and jurisdiction.

7. The term "freely convertible currency" shall mean any currency that the International Monetary Fund determines, from time to time, as freely usable currency in accordance with the Articles of Agreement of the International Monetary Fund and any amendment thereto.

8. The term "without delay" shall mean such period as is normally required for the completion of necessary formalities for the transfer of payments, without any restriction and undue delay for such transfers.

Article 2
Promotion and Protection of Investments

1. Each Contracting Party shall encourage and create favourable conditions for investors of the other Contracting Party to make investments in its territory, and, subject to its right to exercise powers conferred by its laws, shall admit such investment.

2. Investments of investors of each Contracting Party shall at all times be accorded fair and equitable treatment and shall enjoy full protection and security in the territory of

the other Contracting Party. Neither Contracting Party shall in any way impair by unreasonable or discriminatory measures the management, maintenance, use, enjoyment or disposal of investments in its territory of investors of the other Contracting Party.

3. Once established, investments of investors of either Contracting Party shall not be subject to additional performance requirements which are specified in the illustrative list of the Agreement on Trade-Related Investment Measures of the WTO and which may be detrimental to their viability or adversely effect their use, management, conduct, operation, expansion, sale or other disposition.

Article 3
Treatment of Investments

1. With respect to the use, management, conduct, operation, expansion and sale or other disposition of investments made in its territory by investors of the other Contracting Party, each Contracting Party shall accord treatment no less favorable than that it accords, in like situations, to investments of its own investors ("national treatment") or investors of any third state("most favored nation treatment"), whichever is more favorable to those investments.

2. Without prejudice to the provisions of Article 11 and subject to any other agreement, to which both Contracting Parties are parties, the national treatment, as provided for in paragraph 1 above shall be accorded in accordance with the applicable laws and the regulations of the host Contracting Party. The linking of the national treatment to the applicable laws and regulations of the host Contracting Party preserves the right to the host Contracting Party to apply a different treatment to investments of investors of the other Contracting Party than that which applies to its own investor. In this way each Contracting Party may maintain any economic sector or activity as reserved for its own investor or any measure or special incentives granted only to its own investors within the framework of its development policy.

3. The provision of this Article shall not be construed so as to oblige one Contracting Party to extend to the investors of the other Contracting Party the benefit of any treatment, preference or privilege resulting from :

(a) any customs union, economic union, free trade area, monetary union, or other form of regional or bilateral economic agreement or other similar international agreement, to which either of the Contracting Parties is or may become a party;

(b) any international, regional or bilateral agreement or other similar arrangement or any domestic legislation relating wholly or mainly to taxation.

Article 4

Compensation for Losses

1. Except where Article 6 applies, when investments made by an investor of either Contracting Party suffers a loss owing to war or other armed conflict, a state of national emergency, revolt, civil disturbances, insurrection, riot or other similar events in the territory of the other Contracting Party, he shall be accorded by the latter Contracting Party, treatment, as regards restitution, indemnification, compensation or other settlement, not less favorable than that the latter Contracting Party accords to its own investor or investor of any third state, whichever is more favorable to the investor.

2. Without prejudice to paragraph 1, investor of one Contracting Party who in any of the events referred to in that paragraph suffers a loss in the territory of the other Contracting Party resulting from:

(a) requisitioning of its investments or part thereof by its forces or authorities;

(b) destruction of its investments or part thereof by its forces or authorities which was not caused in combat action or was not required by the necessity of the situation,

shall be accorded restitution or compensation which in either case shall be prompt, adequate and effective.

Article 5

Expropriation

1. (a) Investments made by investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party shall not be nationalized, expropriated, dispossessed or subjected to direct or indirect measures having effect equivalent to nationalization, expropriation or dispossession (hereinafter collectively referred

to as "expropriation") by the other Contracting Party except for a public purpose related to the internal needs of that Contracting Party and against prompt, adequate and effective compensation and on condition that such measures are taken on a non-discriminatory basis and in accordance with due process of law of general application.

(b) Such compensation shall amount to the actual value of the expropriated investment and shall be determined and computed in accordance with internationally recognized principles of valuation on the basis of the fair market value of the expropriated investment at the time immediately before the expropriatory action was taken or the impending expropriation became publicly known, whichever is the earlier (hereinafter referred to as the "valuation date"). Such compensation shall be calculated in a freely convertible currency to be chosen by the investor, on the basis of the prevailing market rate of exchange for that currency on the valuation date and shall include interest at a commercial rate established on a market basis, however, in no event less than the prevailing LIBOR - rate of interest or equivalent, from the date of expropriation until the date of payment.

(c) Where the above-mentioned fair market value cannot be readily ascertained, the compensation shall be determined on equitable principles taking into account all relevant factors and circumstances, such as the capital invested, the nature and duration of the investment, replacement value, appreciation, current returns, discounted cash flow value, book value and goodwill. The amount of compensation finally determined shall be promptly paid to the investor.

2. In light of the principles set out in paragraph 1 and without prejudice to the rights of the investor under Article 8 of this Agreement, the investor affected shall have the right to prompt review by a judicial or other competent and independent authority of the Contracting Party which made the expropriation, of its case, including the valuation of its investment and the payment of compensation therefore.

3. For further certainty, expropriation shall include situations where a Contracting Party expropriates the assets of a company or enterprise that is incorporated or established under the laws in force in its own territory in which an investor of the other Contracting Party has an investment, including through the ownership of shares, stocks, debentures or other rights or interests.

4. A claim to compensation in accordance with the principles and provisions of this Article shall also exist when, as a result of an action having effect equivalent to expropriation by a Contracting Party in any company in which investment is made by investors of the other Contracting Party, the investment is impaired in substance.

Article 6
Transfer of Payments Related to Investments

1. Each Contracting Party shall guarantee to investors of the other Contracting Party the free transfer of payments in connection with an investment into and out of its territory, including the transfer of:

   (a) the initial capital and any additional capital for the maintenance, management and development of the investment;

   (b) returns;

   (c) payments under a contract, including amortization of principal and accrued interest payments made pursuant to a loan agreement;

   (d) royalties and fees for the rights referred to in Article 1 paragraph 1 (c);

   (e) proceeds from the sale or liquidation of the whole or any part of the investment;

   (f) earnings and other remuneration of personnel engaged from abroad in connection with the investment;

   (g) payments of compensation pursuant to Articles 4 and 5;

   (h) payments referred to in Article 7;

   (i) payments arising out of the settlement of disputes.

2. Transfers of payments under paragraph 1 shall be affected without delay or restrictions and, except in the case of payments in kind, in a freely convertible currency.

3. Transfers shall be made at the prevailing market rate of exchange in the host Contracting Party on the date of transfer for the currency to be transferred. In the absence of a market for foreign exchange, the rate to be applied will be the most recent rate applied to inward investments or the exchange rate determined in accordance with the regulations of the International Monetary Fund or the exchange

rate for conversion of currencies into Special Drawing Rights or United States Dollars, whichever is the most favorable to the investor.

Article 7

Subrogation

1. If a Contracting Party or its designated agency (the "Indemnifying Party"), makes a payment under an indemnity or guarantee it has assumed in respect of an investment in the territory of the other Contracting Party (the "Host State"), the Host State shall recognize:

   (a) the assignment to the Indemnifying Party by law or by legal transaction of all the rights and claims resulting from such an investment;

   (b) the right of the Indemnifying Party to exercise all such rights and enforce such claims and to assume all obligations related to the investment by virtue of subrogation.

2. The Indemnifying Party shall be entitled in all circumstances to the same treatment in respect of:

   (a) the rights and claims acquired and the obligations assumed by it by virtue of the assignment referred to in paragraph 1 above;

   (b) any payments received in pursuance of those rights and claims, as the original investor was entitled to receive by virtue of this Agreement in respect of the investment concerned.

Article 8

Settlement of Disputes Between a Contracting Party and an Investor

1. Disputes arising between a Contracting Party and an investor of the other Contracting Party in respect of an investment of the latter in the territory of the former shall, as far as possible, be settled amicably.

2. If such disputes cannot be settled within a period of six months from the date at which either party to the dispute requested amicable settlement by delivering a notice in writing to the other party, the dispute shall be submitted for resolution, at the election of the investor party to the dispute, through one of the following means:

(a) in accordance with any applicable, previously agreed dispute-settlement procedures;

(b) to international arbitration in accordance with the following paragraphs of this Article.

3. In the event that an investor elects to submit the dispute for resolution to international arbitration, the investor shall further provide its consent in writing for the dispute to be submitted to one of the following bodies:

(a) (1) The International Centre for Settlement of Investment Disputes ("the Centre"), established pursuant to the Convention on the Settlement of Investment Disputes between States and Nationals of other States opened for signature at Washington, 18 March 1965 (the "Washington Convention"), if both Contracting Parties are parties to the Washington Convention and the Washington Convention is applicable to the dispute;

(2) The Centre, under the rules governing the Additional Facility for the Administration of Proceedings by the Secretariat of the Centre (the "Additional Facility Rules"), if the Contracting Party of the investor or the Contracting Party to the dispute, but not both, is a party to the Washington Convention;

(b) an arbitral tribunal established under the Arbitration Rules (the "Rules") of the United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL), as those Rules may be modified by the parties to the dispute (the Appointing Authority referred to under Article 7 of the Rules shall be the Secretary General of the Centre);

(c) an arbitral tribunal constituted pursuant to the arbitration rules of any arbitral institution mutually agreed upon between the parties to the dispute.

4. Notwithstanding the fact that the investor may have submitted a dispute to binding arbitration under paragraph 3, it may, prior to the institution of the arbitral proceeding or during the proceeding, seek before the judicial or administrative tribunals of the Contracting Party that is a party to the dispute, interim injunctive relief for the

preservation of its rights and interests, provided it does not include request for payment of any damages.

5. Each Contracting Party hereby gives its unconditional consent to the submission of an investment dispute for settlement by binding arbitration in accordance with the choice of the investor under paragraph 3(a) and (b) or gives it's irrevocable consent if there is a mutual agreement of both parties to the dispute under paragraph 3(c).

6. (a) The consent given in paragraph 5, together with the consent given under paragraph 3, shall satisfy the requirement for written agreement of the parties to a dispute for the purposes of each of, Chapter II of the Washington Convention, the Additional Facility Rules, Article II of the United Nations Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards, done at New York, June 10, 1958 (the "New York Convention"), and Article 1 of the UNCITRAL Arbitration Rules.

(b) Any arbitration under this Article, as may be mutually agreed by the parties to the dispute, must be held in a state that is a party to the New York Convention. Claims submitted to arbitration hereunder shall be considered to arise out of a commercial relationship or transaction for the purposes of Article 1 of the New York Convention.

(c) Neither Contracting Party shall give diplomatic protection or bring an international claim, in respect of any dispute referred to arbitration unless the other Contracting Party shall have failed to abide by and comply with the award rendered in such dispute. However, diplomatic protection for the purposes of this sub-paragraph shall not include informal diplomatic exchanges for the sole a purpose of facilitating settlement of the dispute.

7. An arbitral tribunal established under this Article shall decide the issues in dispute in accordance with such rules of law as may be agreed by the parties to the dispute. In the absence of such agreement, it shall apply the law of the Contracting Party party to the dispute, including its rules on conflict of laws, and such recognized rules of international law as may be applicable, taking into consideration also the relevant provisions of this Agreement.

8. For the purpose of Article 25(2)(b) of the Washington Convention, an investor, other than a natural person, which has the nationality of a Contracting Party party to the dispute on the date of the consent in writing referred to in paragraph (6) and which, before a dispute between it and that Contracting Party arises, is controlled by

investors of the other Contracting Party, shall be treated as a "national of another Contracting Party" and for the purpose of Article 1(6) of the Additional Facility Rules shall be treated as a "national of another State".

9. The awards of arbitration, which may include an award of interest, shall be final and binding on the parties to the dispute. Each Contracting Party shall carry out promptly any such award and shall make provision for the effective enforcement in its territory of such awards.

10. In any proceedings, judicial, arbitral or otherwise or in an enforcement of any decision or award, concerning an investment dispute between a Contracting Party and an investor of the other Contracting Party, a Contracting Party shall not assert, as a defense, its sovereign immunity. Any counterclaim or right of set-off may not be based on the fact that the investor concerned has received or will receive, pursuant to an insurance contract, indemnification or other compensation for all or part of its alleged damages from any third party whomsoever, whether public or private, including such other Contracting Party and its subdivisions, agencies or instrumentalities.

Article 9
Settlement of Disputes Between the Contracting Parties

1. The Contracting Parties shall, as far as possible, settle any dispute concerning the interpretation or application of this Agreement through consultations or other diplomatic channels.

2. If the dispute has not been settled within six months following the date on which such consultations or other diplomatic channels were requested by either Contracting Party and unless the Contracting Parties otherwise agree in writing, either Contracting Party may, by written notice to the other Contracting Party, submit the dispute to an *ad hoc* arbitral tribunal in accordance with the following provisions of this Article.

3. The arbitral tribunal shall be constituted as follows: each Contracting Party shall appoint one member, and these two members shall agree upon a national of a third state as Chairman of the arbitral tribunal to be appointed by the two Contracting Parties. Such members shall be appointed within two months, and such Chairman within four months, from the date on which either Contracting Party has informed the other Contracting Party that it intends to submit the dispute to an arbitral tribunal.

4. If the periods specified in paragraph 3 above have not been complied with, either Contracting Party may, in the absence of any other arrangement, invite the President of the International Court of Justice to make the necessary appointments. If the President of the International Court of Justice is a national of either Contracting Party or if he is otherwise prevented from discharging the said function, the Vice-President of the International Court of Justice shall be invited to make the necessary appointments. If the Vice-President of the International Court of Justice is a national of either Contracting Party or if he, too, is prevented from discharging the said function, the member of the International Court of Justice next in seniority who is not a national of either Contracting Party shall be invited to make the necessary appointments.

5. The arbitral tribunal shall take its decision by a majority of votes. Such decision shall be made in accordance with this Agreement and such recognized rules of international law as may be applicable and shall be final and binding on both Contracting Parties. Each Contracting Party shall bear the costs of the member of the arbitral tribunal appointed by that Contracting Party, as well as the costs for its representation in the arbitration proceedings. The expenses of the Chairman as well as any other costs of the arbitration proceedings shall be borne in equal parts by the two Contracting Parties. However, the arbitral tribunal may, at its discretion, direct that a higher proportion or all of such costs be paid by one of the Contracting Parties. In all other respects, the arbitral tribunal shall determine its own procedure.

Article 10
Relations Between Contracting Parties

The provisions of this Agreement shall apply irrespective of the existence of diplomatic or consular relations between the Contracting Parties.

Article 11
Application of Other Rules

If the legislation of either Contracting Party or obligations under international law existing at present or established hereafter between the Contracting Parties, in addition to this Agreement, contain rules, whether general or specific, entitling investments by investors of the other Contracting Party to a treatment more favorable than is provided for

by this Agreement, such rules shall to the extent that they are more favorable to the investor prevail over this Agreement.

Article 12
Scope of the Agreement

This Agreement shall apply to all investments, whether existing at or made after the date of its entry into force by investors of either Contracting Party in the territory of the other Contracting Party.

Article 13
Entry into Force

Each Contracting Party shall notify the other in writing when its constitutional requirements for the entry into force of this Agreement have been fulfilled, and the Agreement shall enter into force on the thirtieth day after the date of receipt of the later notification.

Article 14
Duration and Termination

1. This Agreement shall remain in force for a period of ten (10) years and shall continue in force thereafter for similar period or periods unless, at least one year before the expiry of the initial or any subsequent period, either Contracting Party notifies the other Contracting Party in writing of its intention to terminate this Agreement.

2. In respect of investments made prior to the date when the notice of termination of this Agreement becomes effective, the provisions of this Agreement shall continue to be effective for a period of fifteen (15) years from the date of termination of this Agreement.

In witness whereof, the respective plenipotentiaries of both Contracting Parties have signed this Agreement.

Done at Hanoi, on this ...4.th..... day of Jamad Awal 1428 H corresponding to the 23th May 2007 in two originals in Vietnamese, Arabic and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergency, the English text shall prevail.

FOR
THE GOVERMENT OF
THE SOCIALIST REPUBLIC OF
VIETNAM

VO HONG PHUC
MINISTER OF PLANNING AND
INVESTMENT

FOR
THE GOVERMENT OF
THE STATE OF KUWAIT

BADER M. AL-HUMAIDHI
MINISTER OF FINANCE

اتفاقية

بين

حكومة جمهورية فيتنام الاشتراكية

و

حكومة دولة الكويت

للتشجيع والحماية المتبادلة للاستثمارات

إن حكومة جمهورية فيتنام الاشتراكية وحكومة دولة الكويت ، (مشاراً إليهما فيما بعد بـ "الطرفين المتعاقدين")؛

رغبة منهما في خلق الظروف الملائمة لتنمية التعاون الاقتصادي فيما بينهما وعلى وجه الخصوص للاستثمارات التي يقوم بها مستثمرون تابعون للطرف المتعاقد في إقليم الطرف المتعاقد الأخر ؛

وإدراكاً منهما بأن التشجيع والحماية المتبادلة لمثل هذه الاستثمارات سيكون حافزاً لتنشيط المبادرة التجارية ولزيادة الرخاء في كلا الطرفين المتعاقدين ؛

قد اتفقتا على ما يلي :

مادة 1
تعريفـــات

لأغراض هذه الاتفاقية :

1- يعني مصطلح " استثمار " كافة أنواع الأصول التي تقع في إقليم طرف متعاقد والتي يمتلكها أو يهيمن عليها مستثمر تابع لطرف متعاقد آخر بطريقة مباشرة أو غير مباشرة وفقاً للقوانين ونظم تلك الطرف ويشمل الأصول أو الحقوق المتكونة من أو التي تأخذ شكل كل من:

(أ) أسهم شركة ، أو حصص ، والأشكال الأخرى من المساهمة في الملكية ، والسندات ، وسندات الدين ، والأشكال الأخرى من حقوق الدين في شركة، والديون الأخرى والقروض والأوراق المالية التي يصدرها أي مستثمر تابع لطرف متعاقد ؛

(ب) مطالبات بأموال ومطالبات لأي أصول أخرى أو أداء وفقاً لعقد ذو قيمة اقتصادية ؛

(ج) حقوق الملكية الفكرية ، وتشمل دون حصر ، حقوق الطبع والنشر والعلامات التجارية وبراءات الاختراع والتصاميم والنماذج الصناعية والعمليات الفنية والخبرة والأسرار التجارية ، والأسماء التجارية والشهرة ؛

(د) أي حق يُقرر بموجب قانون، أو عقد أو بمقتضى أية تراخيص أو تصاريح تمنح وفقاً لقانون بما في ذلك حقوق التنقيب والاستكشاف والاستخراج أو الاستغلال للموارد الطبيعية وحقوق ممارسة أنشطة اقتصادية وتجارية أخرى أو تقديم خدمات؛

(هـ) الملكية الملموسة وغير الملموسة، المنقولة وغير المنقولة وأي حقوق ملكية متعلقة بها مثل الإيجارات والرهونات وامتيازات الدين والرهونات الحيازية.

وينطبق أيضاً مصطلح "استثمار" على "العائدات" المحتفظ بها لغرض إعادة الاستثمار، والناتج عن "التصفية" حسب تعريف هذين المصطلحين فيما بعد .

أي تغيير في الشكل الذي استثمرت به الأصول أو تم إعادة استثمارها به سوف لن يؤثر في طبيعتها كاستثمار .

2- يعني مصطلح "مستثمر" بالنسبة لطرف متعاقد:

(أ) شخص طبيعي يحمل جنسية ذلك الطرف المتعاقد طبقاً لقوانينه النافذه ؛

(ب) حكومة ذلك الطرف المتعاقد؛

(ج) أي شخص اعتباري أو أي كيان آخر تم تأسيسه بصورة قانونية بموجب قوانين ونظم تلك الطرف المتعاقد، مثل المعاهد وصناديق التنمية والوكالات والمؤسسات الخيرية والعلمية والمنشآت القانونية والحكومية والشركات.

3- مصطلح "شركة" يعني أي كيان قانوني سواء أنشأ أو لم ينشأ بهدف تحقيق ربح مالي وسواء كانت مملوكة أو واردة بشكل خاص أو حكومي، نظم كما ينبغي وفقاً للقانون المطبق للطرف المتعاقد، وتشمل مؤسسات عامة، الأمانة، شركات تضامن، شركات الفرد الواحد، فرع، مشروع مشترك، والاتحادات أو منظمات أخرى مماثلة.

4- يعني مصطلح "عائدات" المبالغ التي يحققها استثمار ، بغض النظر عن الشكل الذي تدفع به، وتتضمن، على وجه الخصوص لا الحصر، الأرباح والفوائد والأرباح الرأسمالية وأرباح الأسهم والإتاوات وأتعاب الإدارة والمساعدة الفنية أو مدفوعات أو رسوم أخرى والمدفوعات العينية، أيا كان نوعها .

5- يعني مصطلح "تصفية" أي تصرف ينفذ لغرض الإنهاء الكلي أو الجزئي للاستثمار.

6- يعني مصطلح "إقليم" فيما يتعلق بالطرف المتعاقد كل الأراضي اليابسة (وكذلك الجزر)، بما في ذلك أي منطقة خارج البحر الإقليمي والتي وفقاً للقانون الدولي تحددت أو يجوز فيما بعد تحديدها وفقاً لقانون الطرف المتعاقد كمنطقة يجوز فيها الطرف المتعاقد أن يمارس فيها حقوق السيادة أو الولاية.

7- يعني مصطلح "عملة قابلة للتحويل بحرية" أي عملة يحددها صندوق النقد الدولي من فترة إلى أخرى كعملة تستعمل بحرية وفقاً لأحكام اتفاقية صندوق النقد الدولي وأي تعديلات عليها.

8- يعني مصطلح "دون تأخير" تلك المدة التي عادة تكون مطلوبة لإتمام الشكليات الضرورية لتحويل المدفوعات، دون أي قيود أو تأخير غير مبرر لتلك التحويلات.

مادة 2

تشجيع وحماية الاستثمارات

1- يقوم كل من الطرفين المتعاقدتين بتشجيع وخلق ظروف أكثر رعاية للاستثمارات التي يقوم بها مستثمري الطرف المتعاقد الأخر في إقليمها، وطبقاً لحقوقه الممنوحة له بقوة قوانينه وتشريعاته يقوم بقبول مثل هذه الاستثمارات.

2- تمنح الاستثمارات التي يقوم بها مستثمرون من طرف متعاقد في إقليم الطرف المتعاقد الأخر معاملة عادلة ومنصفة وتتمتع بالحماية والأمان الكاملين، على نحو يتوافق مع مبادئ القانون الدولي المعترف بها وأحكام هذه الاتفاقية. لن يقوم أي من الطرفين المتعاقدين بأي شكل كان باتخاذ إجراءات تعسفية أو تمييزية تؤدي إلى الأضرار بإدارة أو صيانة أو استخدام أو التمتع أو التصرف بالاستثمارات في إقليم مستثمري الطرف المتعاقد الأخر.

3 – لن تخضع استثمارات مستثمري أي من الطرفين المتعاقدين بعد تأسيسها لمتطلبات أداء إضافية والتي تم تحديدها في القائمة التوضيحية حسب مقاييس اتفاقية التبادل التجاري لاتفاقية منظمة التجارة العالمية والتي تعوق أو تقيد استعمالها أو إدارتها أو التصرف بها أو تشغيلها أو توسعها أو بيعها لأي تصرف آخر.

مادة 3

معاملــة الاستثمارات

1- فيما يتعلق بالاستعمال والإدارة والتصرف والتشغيل والتوسع والبيع أو أشكال التصرف الأخرى للاستثمارات التي يقوم بها في إقليمها مستثمرون تابعون للطرف المتعاقد الأخر، فإن على كل طرف متعاقد منح معاملة لا تقل رعاية عن تلك التي يمنحها في حالات مماثلة للاستثمارات خاصة مستثمريه (المعاملة الوطنية) أو مستثمري أي دولة ثالثة، أيهما يكون الأكثر رعاية لتلك الاستثمارات.

2- مع عدم الإخلال بأحكام المادة 11 الخاضعة لأي اتفاقية أخرى والتي يكون كلا الطرفين أعضاء فيها، تكون المعاملة الوطنية فيها للمنوحة في الفقرة 1 المذكورة أعلاه تمنح وفقاً للقوانين والنظم السائدة في الطرف المتعاقد المضيف. تكون المعاملة الوطنية المتصلة بالقوانين والنظم المطبقة للطرف المضيف تتحفظ على حق الطرف المتعاقد المضيف تطبق على معاملة الاستثمارات المختلفة لمستثمري الطرف المتعاقد الآخر والتي تطبق على مستثمريها. في هذه الحالة يقوم كل طرف متعاقد بالحفاظ على أي قطاع اقتصادي أو نشاط يكزن محفوظ لمستثمريها أو أي إجراء أو منح حوافز خاصة فقط لمستثمريه من خلال إطار سياسته التطويرية.

3- بالرغم من ذلك ، لا تفسر أحكام هذه المادة على أنها تلزم طرف متعاقد بأن يقدم للمستثمرين التابعين للطرف المتعاقد الأخر ميزة أي معاملة أو تفضيل أو امتياز ينتج عن:

(أ) أي إتحاد جمركي أو إتحاد اقتصادي أو منطقة تجارة حرة ، أو إتحاد نقدي أو أي شكل آخر لترتيب اقتصادي إقليمي أو أي اتفاق دولي آخر مماثل يكون أي من الطرفين المتعاقدين طرفاً أو قد يصبح طرفاً فيه ؛

(ب) أي اتفاق دولي أو إقليمي أو اتفاقية ثنائية أو أي ترتيب آخر مماثل وأي تشريع محلي يتعلق كلياً أو بصفة رئيسية بالضرائب.

مادة 4

التعويض عن الخسارة

1- ما عدا عند تطبيق المادة (6) يمنح المستثمرون التابعون لإحد الطرفين المتعاقدين الذين تتعرض استثماراتهم في إقليم الطرف المتعاقد الأخر لأضرار أو لخسائر بسبب الحرب أو أي نزاع مسلح آخر أو حالة طوارئ وطنية أو ثورة أو اضطرابات أو أعمال شغب أو أحداث أخرى مماثلة ، معاملة من قبل الطرف المتعاقد الأخر فيما يختص بإعادة الأوضاع إلى ما كانت عليه ، أو برد الخسائر أو بالتعويض أو بأي تسوية أخرى، لا تقل رعاية عن تلك التي يمنحها الطرف المتعاقد الأخر لمستثمريه أو للمستثمرين تابعين لأي دولة ثالثة ، أيهما تكون الأكثر رعاية.

2- مع عدم الإخلال بالفقرة 1 ، فإن المستثمرين التابعين لإحدى الطرفين المتعاقدين الذين يلحق بهم خسارة نتيجة لأي من الأحداث المشار إليها هي في تلك الفقرة في إقليم الطرف المتعاقد الأخر والناتجة عن :

(أ) الاستيلاء المؤقت على ممتلكاتهم أو جزء منها من قبل قواته أو سلطاته ؛

(ب) تدمير ممتلكاتهم أو جزء منها من قبل قواته أو سلطاته دون أن يكون ذلك بسبب العمليات القتالية أو دون أن تتطلبه ضرورة الموقف ؛

يمنحون تعويضاً فورياً وكافياً وفعالاً عن الضرر أو الخسارة التي لحقت بهم .

مادة 5

نـزع الملكيـة

1- (أ) الاستثمارات التي يقوم بها مستثمرون تابعون لأي من الطرفين المتعاقدين في إقليم الطرف المتعاقد الأخر لن يتم تأميمها أو نزع ملكيتها أو سلب حيازتها أو إخضاعها بطريقة مباشرة أو غير مباشرة ، لإجراءات ذات أثر يعادل التأميم أو نزع الملكية أو سلب الحيازة (مشاراً إليها مجتمعة فيما بعد بـ "نزع الملكية") من قبل طرف متعاقد اخر إلا لغرض عام يتعلق بمصلحة وطنية لتلك الطرف المتعاقد وفي مقابل تعويض فوري وكاف وفعال شريطة أن تكون تلك الإجراءات قد اتخذت على أساس عدم التمييز ووفقاً لإجراءات قانونية معمولاً بها بصفة عامة.

(ب) تبلغ قيمة هذا التعويض القيمة الفعلية للاستثمار المنزوع ملكيته ، ويتم تحديده وحسابه وفقاً لمبادئ التقييم المعترف بها دولياً على أساس القيمة السوقية العادلة للاستثمار المنزوع ملكيته في الوقت الذي يسبق مباشرة إجراء نزع الملكية أو الذي أصبح فيه نزع الملكية الوشيك الحدوث معروفاً بصورة علنية ، أيهما يكون الأسبق (مشاراً إليه فيما بعد بـ "تاريخ التقييم") . يتم حساب هذا التعويض بعملة قابلة للتحويل بحرية يختارها المستثمر، على أساس القيمة السوقية لسعر الصرف السائد لتلك العملة في تاريخ التقييم ويتضمن فائدة بسعر تجاري يتم تحديده على أساس السوق ، على أن لا يقل في أي حال عن سعر الفائدة السائد فيما بين مصارف لندن (ليبور) أو ما يعادله ، وذلك من تاريخ نزع الملكية وحتى تاريخ الدفع.

(جـ) إذا كانت القيمة السوقية العادلة المذكورة أعلاه لا يمكن التأكد منها بسهولة ، فإن التعويض يتم تحديده بناءً على مبادئ منصفة أخذاً في الاعتبار كافة العوامل والظروف المتعلقة به مثل رأس المال المستثمر ، وطبيعة وفترة الاستثمار ، وقيمة الإحلال ، والزيادة في قيمة الاستثمار والعائدات الجارية وقيمة التدفق النقدي المحتسب والقيمة الدفترية والشهرة التجارية . مبلغ التعويض المحدد نهائياً يتم دفعه على الفور للمستثمر .

2- في ضوء المبادئ المنصوص عليها في الفقرة 1 ، ودون الإخلال بحقوق المستثمر الواردة بالمادة 8 من هذه الاتفاقية ، يكون للمستثمر المتضرر الحق في المراجعة الفورية ، من قبل سلطة قضائية أو سلطة مختصة مستقلة أخرى تابعة لتلك الطرف المتعاقد ، لقضيته بما في ذلك تقييم استثماره ومدفوعات التعويضات لهذا الاستثمار .

3- لزيادة التأكيد ، فإن نزع الملكية يشمل الحالات التي ينزع فيها طرف متعاقد ملكية الأصول لشركة أو مشروع تم إنشاؤه أو تأسيسه بموجب القوانين النافذة في إقليمها والذي يكون لمستثمر تابع لطرف متعاقد آخر استثمارا فيه وذلك من خلال ملكية أسهم أو حصص أو سندات دين أو حقوق أو مصالح أخرى .

4- المطالبة بالتعويض طبقاً لمبادئ وأحكام هذه المادة تكون قائمة أيضاً عندما يكون الاستثمار مهدداً فعلاً نتيجة تدخل الطرف المتعاقد في أية شركة يكون فيها الاستثمار لمستثمرين تابعين لطرف متعاقد آخر، وتكون الأضرار في جوهر الاستثمار.

مادة 6

تحويل المدفوعات المتعلقة بالاستثمارات

1- يضمن كل من الطرفين المتعاقدين للمستثمرين التابعين لطرف متعاقد اخر التحويل الحر لمدفوعات متعلقة باستثمار داخل وخارج إقليمها، بما في ذلك تحويل:

(أ) رأس المال الأصلي وأي رأس مال إضافي لصيانة وإدارة وتنمية الاستثمار ؛

(ب) العائدات ؛

(جـ) المدفوعات بموجب عقد ، بما في ذلك سداد أصل الدين و مدفوعات الفائدة المستحقة المؤداة بموجب اتفاقية قرض ؛

(د) الأتاوات والرسوم للحقوق المشار إليها بالمادة 1 الفقرة 1 (د) ؛

(هـ) العائدات المستحقة من البيع أو التصفية لجميع أو أي جزء من الاستثمار ؛

(و) الأموال المكتسبة والمكافآت الأخرى للعاملين المتعاقدين معهم من الخارج والذين لهم صلة بالاستثمار ؛

(ز) مدفوعات التعويض طبقاً للمادتين 4 و 5 ؛

(حـ) المدفوعات المشار إليها بالمادة 7 ؛

(ط) المدفوعات الناشئة عن تسوية المنازعات .

2- يتم إنجاز تحويل المدفوعات بموجب الفقرة (1) دون تأخير أو قيود، ماعدا في حالة المدفوعات العينية، وبعملة قابلة للتحويل بحرية.

3- تتم التحويلات، بسعر صرف الصفقات الفورية السائد في الطرف المتعاقد المضيف في تاريخ التحويل بالنسبة للمعاملات الفورية للعملة المراد تحويلها . في حالة غياب سوق الصرف الأجنبي ، فإن السعر المطبق هو السعر الأكثر حداثة المطبق على الاستثمارات الداخلة أو سعر الصرف المحدد وفق أنظمة صندوق النقد الدولي أو سعر الصرف المحدد لتحويل العملات لحقوق السحب الخاصة أو لدولار الولايات المتحدة ، أيها يكون الأكثر رعاية للمستثمر .

مادة 7

الحلول محل الدائن

1- إذا قام طرف متعاقد أو وكالتها المعنية ("الطرف الضامن") بتسديد دفعة بموجب تعويض أو ضمان يتعلق باستثمار في إقليم الطرف المتعاقد الأخر ("الطرف المضيف") ، فإن على الطرف المضيف الاعتراف :

(أ) بالتنازل للطرف الضامن بموجب القانون أو اتفاق قانوني عن كل الحقوق والمطالبات الناتجة عن مثل هذا الاستثمار ؛

(ب) يحق للطرف الضامن ممارسة مثل هذه الحقوق وتنفيذ تلك المطالبات والالتزامات المتعلقة بالاستثمار استناداً إلى مبدأ الحلول محل الدائن .

2- في كافة الظروف ، يحق للطرف الضامن :

(أ) نفس المعاملة المتعلقة بالحقوق والمطالبات المكتسبة والالتزامات المتعهد بها بمقتضى التنازل المشار إليه بالفقرة 1 أعلاه ؛

(ب) أية مدفوعات يتم استلامها بناءً على تلك الحقوق والمطالبات، كما كان للمستثمر الأصلي الحق في الاستلام بمقتضى هذه الاتفاقية فيما يتعلق بالاستثمار المعني.

مادة 8

تسوية المنازعات بين الطرف متعاقد والمستثمر

1- المنازعات التي تنشأ بين طرف متعاقد ومستثمر تابع لطرف متعاقد اخر فيما يتعلق باستثمار يعود للأخير في إقليم الطرف المذكور أولاً ، يتم تسويتها بقدر الإمكان بالطرق الودية .

2- إذا تعذر تسوية تلك المنازعات خلال ستة أشهر من تاريخ طلب أي من طرفي النزاع للتسوية الودية عن طريق تسليم إخطار كتابي للطرف الآخر، فإن النزاع يعرض للحل باختيار المستثمر طرف النزاع بإحدى الوسائل التالية:

(أ) طبقاً لأية إجراءات مناسبة لتسوية النزاع متفق عليها مسبقاً ؛

(ب) تحكيم دولي طبقاً للفقرات التالية من هذه المادة.

3- في حالة اختيار المستثمر عرض النزاع للتسوية على تحكيم دولي ، فإنه يتعين على المستثمر أيضاً تقديم موافقته الخطية على عرض النزاع للتسوية بواسطة إحدى الجهات التالية :

(أ) (1) المركز الدولي لتسوية منازعات الاستثمار ("المركز") ، الذي تم إنشاؤه بناءً على اتفاقية تسوية منازعات الاستثمار بين الدول ومواطني الدول الأخرى المفتوحة للتوقيع في واشنطن في 18 آذار/مارس 1965 ("اتفاقية واشنطن") في حالة كون الطرفين المتعاقدين طرفين في اتفاقية واشنطن وانطباق اتفاقية واشنطن على النزاع ؛

(2) المركز ، بموجب القواعد التي تحكم التسهيلات الإضافية لإدارة الإجراءات من قبل سكرتير المركز ("قواعد التسهيلات الإضافية") ، إذا كان الطرف المتعاقد للمستثمر أو الطرف المتعاقد طرف بالنزاع ، ولكن ليس كلاهما ، طرفاً في اتفاقية واشنطن ؛

(ب) محكمة تحكيم تنشئ بموجب قواعد التحكيم ("القواعد") للجنة الأمم المتحدة لقانون التجارة الدولية (يونسترال) ، حسبما يتم تعديل هذه القواعد من قبل الأطراف في النزاع (تكون جهة التعيين المشار إليها في المادة 7 من القواعد هي الأمين العام للمركز) ؛

(جـ) محكمة تحكيم يتم تعيينها بناءً على قواعد التحكيم الخاصة بأية هيئة تحكيم يتم الاتفاق المتبادل عليها بين طرفي النزاع .

4- بالرغم من قيام المستثمر بعرض النزاع على تحكيم ملزم بموجب الفقرة 3 أعلاه ، فإنه يجوز له وقبل بدء إجراءات التحكيم أو خلال تلك الإجراءات ، أن يلتمس من المحاكم القضائية أو الإدارية التابع لطرف متعاقد التي تكون طرفاً في النزاع إصدار أمر قضائي مؤقت للمحافظة على حقوقه ومصالحه، على أن لا يشمل ذلك طلب التعويض عن أي أضرار .

5- يعطي كل من الطرفين المتعاقدين موافقتها غير المشروطة لعرض نزاع الاستثمار بغرض التسوية بواسطة تحكيم ملزم طبقاً لاختيار المستثمر بموجب الفقرة 3 (أ) و (ب) أو الاتفاق المتبادل لطرفي النزاع بموجب الفقرة 3 (ج) .

6- (أ) الموافقة الواردة بالفقرة 5 ، سوياً مع الموافقة الواردة بالفقرة 3 تفي بالطلب الخاص بالموافقة الكتابية لطرفي النزاع لأغراض كل من الفصل الثاني من اتفاقية واشنطن وقواعد التسهيلات الإضافية ، والمادة الثانية من اتفاقية الأمم المتحدة الخاصة بالاعتراف في وتنفيذ أحكام التحكيم الأجنبية ، المحررة في نيويورك في 10 يونيو/حزيران 1958 ("اتفاقية نيويورك") ، والمادة 1 من قواعد تحكيم يونسترال .

(ب) أي تحكيم بموجب هذه المادة ، وكما يتم الاتفاق المتبادل عليه بين الطرفين ، يجب أن يعقد في طرف تكون طرفاً في اتفاقية نيويورك . أن المطالبات المعروضة على التحكيم وفقاً لأحكام هذه الاتفاقية تعتبر ناشئة عن علاقة أو معاملة تجارية لأغراض المادة 1 من اتفاقية نيويورك .

(جـ) لن يبوم أي من الطرفين المتعاقدين بمنح الحماية الدبلوماسية أو التقدم بمطالبة دولية متعلقة بأي نزاع تم إحالته إلى التحكيم إلا في حالة إخفاق الطرف المتعاقد الأخر في الالتزام في أو بتطبيق الحكم الصادر بشأن ذلك النزاع. مع ذلك لا تتضمن الحماية الدبلوماسية لأغراض هذه الفقرة الفرعية تبادل المذكرات الدبلوماسية غير الرسمية فقط لغرض تسهيل تسوية النزاع.

7- تقرر محكمة التحكيم التي يتم إنشاؤها بموجب هذه المادة المسائل المتعلقة بالنزاع طبقاً لتلك القواعد من القانون حسبما اتفق عليه من قبل طرفي النزاع. في حالة غياب مثل هذا الاتفاق، ينطبق قانون الطرف المتعاقدة الطرف في النزاع، بما في ذلك قواعدها الخاصة بتنازع القوانين، وقواعد القانون الدولي المعترف بها وذلك حسب انطباقها، أخذاً بالاعتبار أيضاً الأحكام المعنية في هذه الاتفاقية.

8- لأغراض المادة 25 (2) (ب) من اتفاقية واشنطن ، فإن المستثمر ، بخلاف الشخص الطبيعي ، الذي يحمل جنسية طرف متعاقد يكون طرفاً في النزاع، كما بتاريخ الموافقة الكتابية المشار إليها في الفقرة (6) والذي كان يهيمن عليه ، قبل نشوء النزاع بينه وبين تلك الطرف المتعاقد، مستثمرون تابعون لطرف متعاقد الأخر، يعامل "كمواطن تابع لطرف متعاقد أخر"، ولغرض المادة 1 (6) من قواعد التسهيلات الإضافية يعامل "كمواطن تابع لطرف أخرى" .

9- قرارات التحكيم ، والتي قد تتضمن منح فائدة ، تكون نهائية وملزمة لكل من طرفي النزاع ، ويقوم كل من الطرفين المتعاقدين بتنفيذ أي حكم مثل هذا فوراً ، وتقوم باتخاذ الإجراءات اللازمة للتنفيذ الفعال لتلك الأحكام في إقليمها .

10- يجب أن لا يدفع طرف متعاقد بحصانتها في أية إجراءات قضائية أو إجراءات تحكيمية أو خلاف ذلك أو في تنفيذ أي قرار أو حكم يتعلق بنزاع استثمار بين طرف متعاقد ومستثمر تابع لطرف متعاقد آخر. كما لا يجوز إقامة أي ادعاء مقابل أو حق مقاصة على كون المستثمر المعني قد تسلم أو سوف يتسلم، بناءً على عقد تأمين، تعويضاً عن ضرر أو أي تعويض آخر عن كل أو جزء من الأضرار المدعى بها من قبل أي طرف ثالث أياً كان سواءً عام أو خاص بما في ذلك تلك الطرف المتعاقدة الأخرى وأقسامها الفرعية ووكالاتها أو أجهزتها .

مادة 9

تسوية المنازعات بين الطرفين المتعاقدين

1- يقوم الطرفان المتعاقدان ، بقدر الإمكان ، بتسوية أي نزاع يتعلق بتفسير أو بتطبيق هذه الاتفاقية من خلال المشاورات أو القنوات الدبلوماسية الأخرى .

2- إذا لم يتم تسوية النزاع خلال ستة أشهر من تاريخ طلب تلك المشاورات أو القنوات الدبلوماسية الأخرى من قبل أي من الطرفين المتعاقدين، وما لم تتفق الدولتان المتعاقدتان كتابة على خلاف ذلك ، فإنه يجوز لأي من الطرفين المتعاقدين عن طريق إخطار كتابي للطرف المتعاقد لاخر، عرض النزاع على محكمة تحكيم تعقد لهذا الغرض وفقاً للأحكام التالية من هذه المادة .

3- تشكل محكمة التحكيم على النحو التالي : يعين كل من الطرفين المتعاقدين عضواً واحداً ويتفق هذان العضوان على مواطن من طرف ثالث ليكون رئيساً لهما ، يتم تعيينه من قبل الطرفين المتعاقدين. ويتم تعيين هذين العضوين خلال شهرين ، والرئيس خلال أربعة أشهر من تاريخ إخطار أي من الطرفين المتعاقدين الطرف المتعاقد الأخر بنيتها في عرض النزاع على محكمة تحكيم .

4- إذا لم تراعى المدد المحددة في الفقرة 3 أعلاه ، فإنه يجوز لأي من الطرفين المتعاقدين في غياب أي ترتيب آخر، أن تدعو رئيس محكمة العدل الدولية لإجراء التعيينات اللازمة . فإذا كان رئيس محكمة العدل الدولية من مواطني إحدى الطرفين المتعاقدين أو وجد مانع يحول دون أدائه للمهمة المذكورة، فيطلب من نائب رئيس محكمة العدل الدولية، إجراء التعيينات اللازمة. وإذا كان نائب رئيس محكمة العدل الدولية من مواطني إحدى الطرفين المتعاقدين أو وجد مانع يحول دون أدائه للمهمة المذكورة، فيطلب من عضو محكمة العدل الدولية الذي يليه في الأقدمية والذي لا يكون من مواطني إحدى الطرفين المتعاقدين إجراء التعيينات اللازمة.

5- تتخذ محكمة التحكيم قرارها بأغلبية الأصوات . ويتخذ هذا القرار طبقاً لأحكام هذه الاتفاقية ولقواعد القانون الدولي المعترف بها وذلك حسب انطباقها، ويكون نهائياً وملزماً لكل من الطرفين المتعاقدين. ويتحمل كل من الطرفين المتعاقدين أتعاب عضو محكمة التحكيم المعين من جانب تلك الطرف المتعاقد وكذلك أتعاب ممثلها في إجراءات التحكيم. أما أتعاب الرئيس وكذلك أي تكاليف أخرى فتتحملها كلتا الدولتان المتعاقدتان مناصفة بينهما. ويجوز لمحكمة التحكيم وحسب تقديرها أن تقرر تكليف إحدى الطرفين المتعاقدين بنسبة أكبر من أو بكامل التكاليف المذكورة. تحدد محكمة التحكيم الإجراءات الخاصة بها فيما يتعلق بكافة الأمور الأخرى.

مادة 10

العلاقات بين الطرفين المتعاقدين

تطبق أحكام هذه الاتفاقية بصرف النظر عن وجود علاقات دبلوماسية أو قنصلية بين الطرفين المتعاقدين.

مادة 11

تطبيق الأحكام الأخرى

إذا كانت تشريعات أي من الطرفين المتعاقدين أو الالتزامات بموجب القانون الدولي القائمة حالياً أو التي قد تنشأ في وقت لاحق بين الطرفين المتعاقدين بالإضافة إلى هذه الاتفاقية تتضمن أحكام، سواءً كانت عامة أو خاصة ، تمنح الاستثمارات أو التي يقوم بها مستثمري الطرف المتعاقد الأخر معاملة أكثر رعاية من تلك المنصوص عليها في هذه الاتفاقية ، فإن هذا الحكم يسود على هذه الاتفاقية بالقدر الذي يوفر معاملة أكثر رعاية .

مادة 12

نطاق الاتفاقية

تطبق هذه الاتفاقية على جميع الاستثمارات، سواءً الموجود منها في تاريخ دخول هذه الاتفاقية حيز النفاذ أو التي تمت بعد ذلك التاريخ من قبل مستثمري أي من الطرفين المتعاقدين في إقليم الطرف المتعاقد الأخر.

مادة 13

نفـاذ الاتفاقية

يقوم كل من الطرفين المتعاقدين بإخطار الأخرى كتابياً باستيفائها للمتطلبات الدستورية اللازمة لدخول هذه الاتفاقية حيز النفاذ ، وتدخل الاتفاقية حيز النفاذ في اليوم الثلاثين بعد تاريخ استلام آخر إخطار .

مادة 14

المـدة والإنهـاء

1- تظل هذه الاتفاقية نافذة المفعول لمدة (10) عشر سنوات ، وتستمر بعد ذلك نافذة لمدة أو لمدد مماثلة ، ما لم يشعر أي من الطرفين المتعاقدين الطرف المتعاقد الأخر كتابة قبل سنة واحدة من انتهاء المدة الأولى أو أي مدة لاحقة ، بنيتها في إنهاء الاتفاقية.

2- فيما يتعلق بالاستثمارات التي أقيمت قبل تاريخ نفاذ مفعول إشعار إنهاء هذه الاتفاقية ، فإن أحكام هذه الاتفاقية تظل سارية المفعول لمدة خمسة عشر (15) سنة من تاريخ إنهاء هذه الاتفاقية .

وإشهاداً على ذلك ، قام المفوضون المعنيون لكلا الطرفين المتعاقدين بالتوقيع على هذه الاتفاقية.

حررت في هانوي في هذا اليوم الرابع من شهر جمادي الأول 1428 هـ الموافق ليوم 23 من شهر مايو 2007 ، من نسختين أصليتين باللغة الفيتنامية والعربية والإنجليزية، ولكل من النسختين حجية متساوية وفي حالة الاختلاف يسود النص الإنجليزي.

عـن
حكومة جمهورية فيتنام الإشتراكية

فو هونغ فوغ
وزير الاستثمار والتخطيط

عـن
حكومة دولة الكويـت

بدر مشاري الحميضي
وزيـر الماليـة